

HTML

Ali Duc Huy



HTML là gì?

HTML là một ngôn ngữ đánh dấu tiêu chuẩn cho việc tạo ra các trang web.

- **HTML** viết tắt của **Hyper Text Markup Language** - dịch ra Tiếng Việt là: Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản.
- Chúng ta sử dụng **HTML** để tạo ra cấu trúc của một trang web.
- **HTML** bao gồm một loạt các phần tử - **Elements**
- Chúng ta sử dụng các phần tử - **Elements** đó để hiển thị nội dung trên trình duyệt.
- Một số thẻ **HTML Elements** thông dụng như:
 - Kiểu heading từ **<h1>** đến **<h6>**
 - Đoạn văn bản **<p>**
 - Link liên kết **<a>**
 - Thẻ hình ảnh ****
 - ...vv



Cấu trúc Code cơ bản của một trang HTML



GIẢI THÍCH TỪNG DÒNG CODE VÍ DỤ: CẤU TRÚC HTML CƠ BẢN

Mình Screenshot một ví dụ code như hình bên nhé.

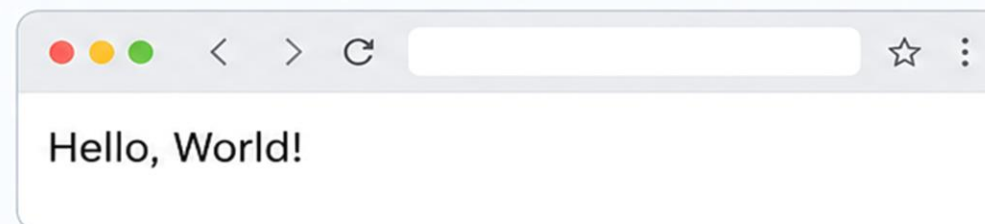
```

1  <!DOCTYPE html>
2  <html lang="en">
3  <head>
4    <meta charset="UTF-8">
5    <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
6    <title>Document</title>
7  </head>
8  <body>
9    <p>Hello, World!</p>
10 </body>
11 </html>
12
13

```



KẾT QUẢ HIỂN THỊ TRÊN TRÌNH DUYỆT



DÒNG	CODE	GIẢI THÍCH
1	<code><!DOCTYPE html></code>	Khai báo tài liệu là HTML5. Dòng này giúp trình duyệt hiển thị trang web theo chuẩn HTML5.
2	<code><html lang="en"></code>	Thẻ <code><html></code> là thẻ gốc của trang HTML. Thuộc tính <code>lang="en"</code> khai báo ngôn ngữ là tiếng Anh.
3	<code><head></code>	Phần <code><head></code> chứa các thông tin quan trọng về trang web như mã hóa ký tự, thiết lập hiển thị và tiêu đề trang. Những thông tin này không hiển thị trực tiếp trên trang.
4	<code><meta charset="UTF-8"></code>	Khai báo bộ mã ký tự là UTF-8 để trình duyệt hiển thị đúng các ký tự tiếng Việt và ký tự đặc biệt.
5	<code><meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0"></code>	Thiết lập vùng hiển thị để trang web hiển thị tốt trên các thiết bị di động.
6	<code><title>Document</title></code>	Đặt tiêu đề cho trang web. Tiêu đề này sẽ hiển thị trên tab của trình duyệt.
7	<code></head></code>	Kết thúc phần <code><head></code> .
8	<code><body></code>	Phần <code><body></code> chứa toàn bộ nội dung sẽ hiển thị trên trang web.
9	<code><p>Hello, World!</p></code>	Thẻ <code><p></code> dùng để tạo một đoạn văn bản. Nội dung "Hello, World!" sẽ được hiển thị trên trang.
10	<code></body></code>	Kết thúc phần <code><body></code> .
11	<code></html></code>	Kết thúc tài liệu HTML.



HỎI NHANH!

Vậy HTML có phải là ngôn ngữ lập trình không ?



HTML **không phải** là ngôn ngữ lập trình.
HTML là ngôn ngữ đánh dấu (Markup Language) được dùng để tạo cấu trúc và trình bày nội dung của trang web.



VÌ SAO HTML KHÔNG PHẢI LÀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH?



1. Không có logic xử lý

HTML chỉ mô tả cấu trúc nội dung tĩnh, không có các câu lệnh điều kiện, lập, hàm,... để xử lý logic.



2. Không thể tạo chức năng động

HTML không thể thực hiện các thao tác như tính toán, lưu trữ dữ liệu, xử lý người dùng,... (đây là nhiệm vụ của JavaScript, PHP, Python,...)



3. Không chạy chương trình

HTML không được "thực thi" bởi máy tính như các ngôn ngữ lập trình. Nó chỉ được trình duyệt (browser) đọc và hiển thị.



4. Chỉ là ngôn ngữ đánh dấu (Markup)

HTML sử dụng các thẻ (tag) để "đánh dấu" và phân loại nội dung (tiêu đề, đoạn văn, hình ảnh,...) chứ không phải để lập trình.



GHI NHỚ

- ✓ HTML chỉ mô tả **CẤU TRÚC** nội dung.
- ✓ Muốn trang web đẹp hơn (giao diện) → dùng **CSS**.
- ✓ Muốn trang web có tương tác, xử lý logic → dùng **JavaScript**.

MỘT SỐ CÔNG CỤ ĐỂ LẬP TRÌNH VỚI HTML



HTML là ngôn ngữ đánh dấu, nhưng để viết, kiểm tra và phát triển HTML hiệu quả, chúng ta cần đến các **công cụ hỗ trợ**.

1. TRÌNH SOẠN THẢO MÃ NGUỒN

Dùng để viết, chỉnh sửa và quản lý mã HTML.



Visual Studio Code

- Miễn phí, mạnh mẽ
- Hỗ trợ tô màu cú pháp, gợi ý code, mở rộng
- Phù hợp cho người mới và chuyên nghiệp



Sublime Text

- Nhẹ, chạy nhanh
- Giao diện tối giản
- Hỗ trợ nhiều ngôn ngữ



Notepad++

- Miễn phí, dễ sử dụng
- Hỗ trợ tô màu cú pháp
- Windows only



Atom

- Miễn phí, mã nguồn mở
- Dễ tùy chỉnh
- Hỗ trợ nhiều gói mở rộng



Brackets

- Miễn phí, mã nguồn mở
- Hỗ trợ xem trước trực tiếp trong trình soạn thảo
- Phù hợp cho người mới

2. TRÌNH DUYỆT WEB (BROWSER)

Dùng để mở và kiểm tra kết quả hiển thị của trang HTML.



Google Chrome



Mozilla Firefox



Microsoft Edge

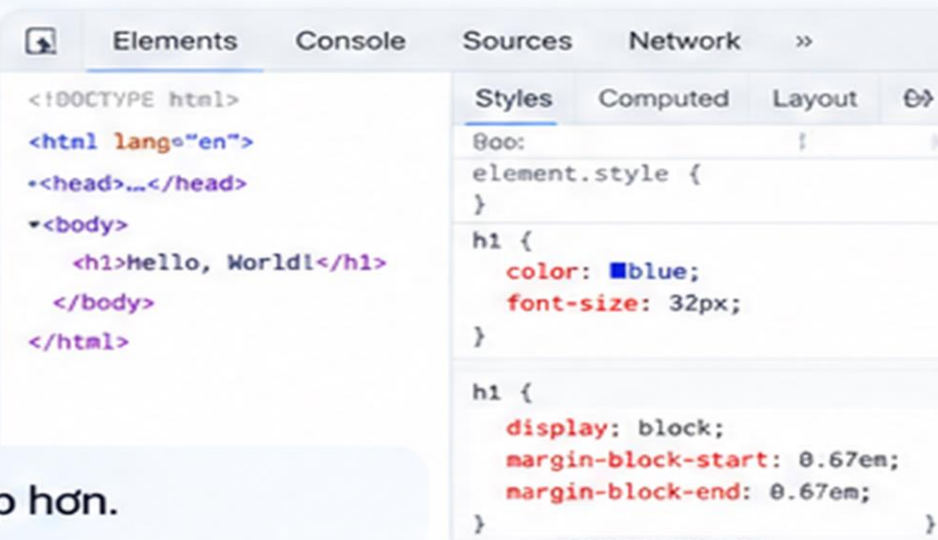


Opera



GỢI Ý

Nên dùng Google Chrome hoặc Microsoft Edge và mở DevTools (F12) để kiểm tra, chỉnh sửa HTML, CSS dễ dàng.



3. CÔNG CỤ HỖ TRỢ KHÁC

Giúp làm việc với HTML hiệu quả và chuyên nghiệp hơn.



Bootstrap

Thư viện CSS giúp thiết kế giao diện nhanh và đẹp.



W3Schools

Website học tập và tra cứu HTML rất hữu ích.



W3C Validator

Công cụ kiểm tra lỗi cú pháp HTML (validator.w3.org).



ColorZilla

Tiện ích giúp lấy mã màu từ bất kỳ trang web nào.



Live Server

Mở trang web và tự động tải lại khi có thay đổi.



TỔNG KẾT

Chỉ cần một trình soạn thảo mã nguồn tốt, một trình duyệt web và các công cụ hỗ trợ phù hợp, bạn đã có thể bắt đầu lập trình với HTML một cách dễ dàng và hiệu quả!



1.1 EXTENSION HỮU ÍCH CHO VS CODE

Các extension giúp viết HTML nhanh hơn, hiệu quả hơn.



Live Server

Khởi chạy máy chủ cục bộ và tự động tải lại trang.



Prettier - Code formatter

Định dạng code đẹp, nhất quán chỉ với một click.



HTML CSS Support

Hỗ trợ IntelliSense cho HTML, CSS, class, id,...



Emmet Abbreviation

Viết tắt HTML/CSS, tăng tốc độ coding.



Auto Rename Tag

Tự động đổi tên thẻ đóng/mở khi bạn đổi tên thẻ.



HTML Boilerplate

Tạo nhanh cấu trúc HTML5 cơ bản.



open in browser

Mở file HTML trong trình duyệt chỉ với 1 click.



Color Highlight

Hiển thị màu sắc trực quan ngay trong code.



CÚ PHÁP CỦA HTML

Trong HTML, nội dung được viết trong các **thẻ (tag)**. Mỗi thẻ có **cú pháp cơ bản** như sau:

<tên-thẻ thuộc-tính="giá-trị"> Nội dung </tên-thẻ>

1 Thẻ mở

Bắt đầu một thẻ.
Gồm dấu **<**, tên thẻ
và có thể có thuộc tính.

2 Thuộc tính (tùy chọn)

Cung cấp thông tin
thêm cho thẻ.
Gồm: tên thuộc tính
và giá trị của nó.

3 Giá trị thuộc tính

Giá trị cụ thể của
thuộc tính, luôn đặt
trong dấu ngoặc kép " ".

4 Nội dung

Là phần văn bản, hình ảnh,
hoặc nội dung khác được
hiển thị giữa thẻ mở và
thẻ đóng.

5 Thẻ đóng

Kết thúc thẻ.
Gồm dấu **</>** và tên thẻ.
Phải giống tên thẻ mở.



VÍ DỤ MINH HỌA

```

<h1>Chào mừng bạn đến với HTML!</h1>
<p class="doan-van">Đây là một đoạn văn.</p>
<a href="https://www.example.com" target="_blank">
  Truy cập website
</a>


```

`<!-- Thẻ không có thuộc tính -->`

`<!-- Thẻ có thuộc tính -->`

`<!-- Thẻ có nhiều thuộc tính -->`

`<!-- Thẻ tự đóng (không có thẻ đóng) -->`



QUY TẮC CƠ BẢN

- ✓ HTML không phân biệt chữ hoa và chữ thường, nhưng nên viết thường để dễ đọc và theo chuẩn.
- ✓ Hầu hết các thẻ đều có thẻ mở và thẻ đóng.
- ✓ Nội dung nằm giữa thẻ mở và thẻ đóng.
- ✓ Các thuộc tính luôn viết trong thẻ mở và giá trị đặt trong dấu ngoặc kép " ".

GHI CHÚ

Một số thẻ đặc biệt không cần thẻ đóng (tự đóng), ví dụ: ``, `
`, `<hr>`, `<input>`, ...
Nhưng cũng có thể viết dạng tự đóng có dấu `/` ở cuối: ``, `
`, `<hr />`, `<input />`



KẾT QUẢ HIỂN THỊ TRÊN TRÌNH DUYỆT

Chào mừng bạn đến với HTML!

Đây là một đoạn văn.

[Truy cập website](#)



[Truy cập website](#)



HTML **Heading**

Heading là **Tiêu Đề** mà các bạn muốn hiển thị trên trang web.
Nó bao gồm 6 thẻ chính từ **<h1>** đến **<h6>**

- **<h1>Tiêu đề 1</h1>**
- **<h2>Tiêu đề 2</h2>**
- **<h3>Tiêu đề 3</h3>**
- **<h4>Tiêu đề 4</h4>**
- **<h5>Tiêu đề 5</h5>**
- **<h6>Tiêu đề 6</h6>**
 - Heading rất quan trọng cho **SEO** thứ hạng trang web vì các công cụ tìm kiếm thường đọc heading trong mỗi trang web để lên cấu trúc trang.



BÀI TẬP: SỬ DỤNG THẺ HEADING (H1 – H6)



Yêu cầu: Sử dụng các thẻ heading từ `<h1>` đến `<h6>` để tạo nội dung giống như kết quả hiển thị.
Chỉ sử dụng các thẻ heading, không dùng thẻ khác.

1 Bài 1: Tiêu đề trang cá nhân

Viết code HTML

```
1 <h1>Nguyễn Văn A</h1>
2 <h2>Học sinh lớp 10A1</h2>
3 <h3>Trường THPT ABC</h3>
```

Kết quả hiển thị

Nguyễn Văn A
Học sinh lớp 10A1
Trường THPT ABC

2 Bài 2: Chủ đề bài học

Viết code HTML

```
1 <h1>Lập Trình Web</h1>
2 <h2>HTML Cơ Bản</h2>
3 <h3>Bài 1: Làm quen với HTML</h3>
```

Kết quả hiển thị

Lập Trình Web
HTML Cơ Bản
Bài 1: Làm quen với HTML

3 Bài 3: Danh sách môn học

Viết code HTML

```
1 <h1>Danh sách môn học</h1>
2 <h2>Khối Khoa học tự nhiên</h2>
3 <h3>Toán</h3>
4 <h3>Vật lý</h3>
5 <h3>Hóa học</h3>
6 <h3>Sinh học</h3>
```

Kết quả hiển thị

Danh sách môn học
Khối Khoa học tự nhiên
Toán
Vật lý
Hóa học
Sinh học

4 Bài 4: Cấu trúc trang web

Viết code HTML

```
1 <h1>Website của tôi</h1>
2 <h2>Giới thiệu</h2>
3 <h2>Sản phẩm</h2>
4 <h3>Sản phẩm 1</h3>
5 <h3>Sản phẩm 2</h3>
6 <h2>Liên hệ</h2>
```

Kết quả hiển thị

Website của tôi
Giới thiệu
Sản phẩm
Sản phẩm 1
Sản phẩm 2
Liên hệ

5 Bài 5: Tin tức

Viết code HTML

```
1 <h1>Tin tức hôm nay</h1>
2 <h2>Thể giới</h2>
3 <h2>Trong nước</h2>
4 <h2>Thể thao</h2>
```

Kết quả hiển thị

Tin tức hôm nay
Thể giới
Trong nước
Thể thao

6 Bài 6: Thứ tự từ lớn đến nhỏ

Viết code HTML

```
1 <h1>Đây là thẻ h1</h1>
2 <h2>Đây là thẻ h2</h2>
3 <h3>Đây là thẻ h3</h3>
4 <h4>Đây là thẻ h4</h4>
5 <h5>Đây là thẻ h5</h5>
6 <h6>Đây là thẻ h6</h6>
```

Kết quả hiển thị

Đây là thẻ h1
Đây là thẻ h2
Đây là thẻ h3
Đây là thẻ h4
Đây là thẻ h5
Đây là thẻ h6



HTML Paragraphs

Paragraph là kiểu đoạn văn bản trên trang web.

Thẻ `<p>` trong HTML được sử dụng để tạo ra các đoạn văn bản.

- `<p>`Đoạn văn bản 1`</p>`
- `<p>`Đoạn văn bản 2`</p>`
 - Một đoạn văn bản sẽ **luôn bắt đầu trên một dòng mới**, và mặc định trình duyệt sẽ thêm khoảng cách trên dưới cho từng đoạn văn bản.
 - Trình duyệt sẽ tự động xóa các khoảng trắng thừa hoặc dòng thừa trong đoạn văn bản khi hiển thị.
 - Trong slide này sẽ bổ sung thêm 2 thẻ đặc biệt `
` (thẻ ngắt dòng) và `<hr>` (cũng ngắt dòng nhưng nó sẽ tạo thêm một đường cắt ngang phân tách giữa các đoạn văn bản)



BÀI TẬP: SỬ DỤNG THẺ HEADING, BR, HR, SPAN, P



Yêu cầu: Hãy viết code HTML để tạo ra kết quả giống như hình bên phải.

Chỉ sử dụng các thẻ: `<h1>` đến `<h6>`, `
`, `<hr>`, ``, `<p>`.

1 Bài 1: Giới thiệu bản thân

Viết code HTML

Kết quả hiển thị

1
2
3
4
5
6
7

Nguyễn Văn A

Xin chào!

Mình là học sinh lớp 10.

Sở thích: Đọc sách, nghe nhạc, lập trình.

2 Bài 2: Thời khóa biểu

Viết code HTML

Kết quả hiển thị

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
12
12

Thời khóa biểu

Thứ 2: Toán

Thứ 3: Văn

Thứ 4: Anh

Thứ 5: Lý

Thứ 6: Hóa

3 Bài 3: Thông báo

Viết code HTML

Kết quả hiển thị

1
2
3
4
5
6
7
8
9

Thông báo

Trung tâm sẽ tổ chức kiểm tra học kỳ vào tuần sau.

Thời gian: 8h00 sáng

Địa điểm: Phòng 201

Lưu ý:

- Mang theo thẻ học sinh
- Đến đúng giờ

4 Bài 4: Trích dẫn danh ngôn

Viết code HTML

Kết quả hiển thị

1
2
3
4
5
6
7

Danh ngôn

Học, học nữa, học mãi.

— Lenin

Tri thức là chìa khóa mở cửa tương lai.

— Khuyết danh

5 Bài 5: Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam

Viết code HTML

Kết quả hiển thị

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
11

Chào mừng

Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

Kính chúc các thầy cô giáo luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Tri ân thầy cô

Người lái đò thầm lặng

Học sinh lớp 10A1

6 Bài 6: Trang web cá nhân đơn giản

Viết code HTML

Kết quả hiển thị

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13

Trang cá nhân

Chào mừng bạn đến với trang web của mình!

Giới thiệu

Mình là học sinh lớp 10, đam mê lập trình và công nghệ.

Sở thích

Đọc sách, nghe nhạc, chơi cầu lông, lập trình web.



Gợi ý:

- `
` dùng để xuống dòng.
- `<hr>` dùng để tạo đường kẻ ngang.
- `` dùng để định dạng một phần nội dung trong dòng (thường kết hợp với CSS, nhưng ở đây chỉ để phân biệt nội dung).
- `<p>` dùng để tạo đoạn văn.





HTML Formatting Elements

Tương tự như trong các phần mềm soạn thảo văn bản mà các bạn đã quen thuộc như word, excel...vv

Thì trong HTML cũng có những phần tử giúp chúng ta hiển thị văn bản theo những cách đặc biệt:

- **** Thẻ “b”: Bôi đậm đoạn văn bản bình thường ****
- **** Thẻ “strong”: Đánh dấu văn bản là quan trọng về mặt ngữ nghĩa, và nó cũng được bôi đậm ****
- **<i>** Thẻ “i”: In nghiêng đoạn văn bản bình thường **</i>**
- **** Thẻ “em”: Nhấn mạnh đoạn văn bản về mặt ngữ nghĩa, và nó cũng được in nghiêng ****
- **<mark>** Thẻ “mark”: Đánh dấu - highlight đoạn văn bản **</mark>**
- **** Thẻ “del”: Đoạn văn bản được coi là bị xóa ****
- **<u>** Thẻ “u”: Gạch chân đoạn văn bản **</u>**
- **_{** Thẻ “sub”: Văn bản chỉ số dưới, thường kích thước của nó sẽ nhỏ hơn, hiển thị bên dưới dòng **}**
- **^{** Thẻ “sup”: Văn bản chỉ số trên, kích thước vẫn nhỏ, nhưng hiển thị bên trên của một dòng **}**



SỰ KHÁC NHAU GIỮA THẺ `` VÀ THẺ ``



- Cả hai thẻ `` và `` đều làm chữ đậm.
- Nhưng ý nghĩa và cách trình bày của chúng khác nhau.

THẺ <code></code>		THẺ <code></code>
1. Ý nghĩa <ul style="list-style-type: none"> • Chỉ dùng để làm chữ đậm về mặt hiển thị (trình bày). • Không mang ý nghĩa nhấn mạnh nội dung. 	 Ý NGHĨA	1. Ý nghĩa <ul style="list-style-type: none"> • Dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng của nội dung. • Mang ý nghĩa ngữ nghĩa (semantic).
2. Cách trình bày <ul style="list-style-type: none"> • Chữ được hiển thị đậm. 	 TRÌNH BÀY	2. Cách trình bày <ul style="list-style-type: none"> • Chữ được hiển thị đậm (giống <code></code>).
3. Ý nghĩa với trình duyệt và công cụ hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> • Trình duyệt chỉ hiểu là chữ đậm bình thường. • Công cụ hỗ trợ (ví dụ: đọc màn hình) không đọc với ngữ điệu nhấn mạnh. 	 TRÌNH DUYỆT & CÔNG CỤ HỖ TRỢ	3. Ý nghĩa với trình duyệt và công cụ hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> • Trình duyệt hiểu đây là nội dung quan trọng. • Công cụ hỗ trợ sẽ đọc với ngữ điệu nhấn mạnh để người dùng nhận biết.
4. Mục đích sử dụng <ul style="list-style-type: none"> • Dùng khi chỉ muốn làm nổi bật văn bản về mặt hình thức, không cần nhấn mạnh ý nghĩa. 	 MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	4. Mục đích sử dụng <ul style="list-style-type: none"> • Dùng khi muốn nhấn mạnh, làm nổi bật tầm quan trọng của nội dung.

VÍ DỤ MINH HỌA

Dùng thẻ ``:

Tôi thích học `HTML`.

Kết quả hiển thị:

Tôi thích học **HTML**.

Dùng thẻ ``:

Tôi thích học `HTML`.

Kết quả hiển thị:

Tôi thích học **HTML**.

★ KẾT LUẬN

- Nếu chỉ muốn chữ đậm bình thường → dùng ``.
- Nếu muốn nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng → dùng ``.

i LƯU Ý

- Về hiển thị: `` và `` giống nhau.
- Về ý nghĩa (ngữ nghĩa): `` tốt hơn cho **SEO** và **khả năng tiếp cận (accessibility)**.



SO SÁNH THẺ `<i>` VÀ THẺ ``



Cả hai thẻ `<i>` và `` đều hiển thị chữ nghiêng. Nhưng **ý nghĩa (semantic)** và **cách sử dụng** của chúng khác nhau.

THẺ `<i>` (in nghiêng)



1. Ý nghĩa

- Chỉ để hiển thị chữ **in nghiêng**.
- Không mang ý nghĩa** nhấn mạnh nội dung.



2. Cách trình bày

- Chữ được hiển thị **nghiêng**.



3. Ý nghĩa với trình duyệt và công cụ hỗ trợ

- Trình duyệt chỉ hiểu là **hiển thị nghiêng**.
- Công cụ hỗ trợ (ví dụ: đọc màn hình) **không đọc với ngữ điệu nhấn mạnh**.



4. Mục đích sử dụng

- Dùng khi chỉ muốn làm nổi bật văn bản về mặt **hình thức**, không cần nhấn mạnh ý nghĩa.

THẺ `` (nhấn mạnh)



1. Ý nghĩa

- Dùng để **nhấn mạnh tầm quan trọng** của nội dung.
- Mang ý nghĩa **ngữ nghĩa (semantic)**.



2. Cách trình bày

- Chữ được hiển thị **nghiêng** (giống `<i>`).



3. Ý nghĩa với trình duyệt và công cụ hỗ trợ

- Trình duyệt hiểu đây là **nội dung quan trọng**.
- Công cụ hỗ trợ sẽ đọc với **ngữ điệu nhấn mạnh** để người dùng nhận biết.



4. Mục đích sử dụng

- Dùng khi muốn **nhấn mạnh**, làm nổi bật **tầm quan trọng** của nội dung.

VÍ DỤ THẺ `<i>`



Tên sách

`<p>Tôi đang đọc cuốn <i>Clean Code</i>.</p>`

Kết quả:
Tôi đang đọc cuốn Clean Code.



Từ tiếng nước ngoài

`<p>Từ <i>Computer</i> có nghĩa là máy tính.</p>`

Kết quả:
Từ *Computer* có nghĩa là máy tính.



Tên khoa học, ký hiệu

`<p><i>Homo sapiens</i> là tên khoa học của con người.</p>`

Kết quả:
Homo sapiens là tên khoa học của con người.

VÍ DỤ THẺ ``



Nhấn mạnh ý quan trọng

`<p>Bạn phải nhớ nộp bài trước thứ Sáu.</p>`

Kết quả:
Bạn *phải* nhớ nộp bài trước thứ Sáu.



Cảnh báo, lưu ý

`<p>Không được chạy trong phòng máy.</p>`

Kết quả:
Không được chạy trong phòng máy.



Nhấn mạnh cảm xúc

`<p>Hôm nay là buổi học rất quan trọng.</p>`

Kết quả:
Hôm nay là buổi học *rất quan trọng*.



GHI NHỚ

- `<i>`: In nghiêng – dùng cho hình thức (tên sách, từ nước ngoài, tên khoa học, ký hiệu, ...).
- ``: In nghiêng + nhấn mạnh – dùng cho ý nghĩa quan trọng trong nội dung.



QUY TẮC DỄ NHỚ

- Chỉ muốn chữ nghiêng → dùng `<i>`.
- Muốn nhấn mạnh ý nghĩa → dùng ``.



CÁC THẺ HTML ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN



Các thẻ dưới đây giúp **định dạng** và **làm nổi bật** nội dung văn bản trong HTML.

	THẺ (Gạch ngang)	THẺ <small> (Chữ nhỏ)	THẺ <sup> (Chữ trên dòng)	THẺ <mark> (Đánh dấu)
Ý nghĩa	Dùng để biểu thị nội dung đã bị xóa , không còn hiệu lực.	Dùng để hiển thị chữ có kích thước nhỏ hơn so với văn bản xung quanh.	Dùng để hiển thị chữ ở vị trí cao hơn dòng chữ thông thường.	Dùng để đánh dấu (highlight) nội dung quan trọng hoặc cần chú ý.
Cấu trúc	<code>...</code> • del = deleted (đã xóa)	<code><small>...</small></code> • small = nhỏ	<code><sup>...</sup></code> • sup = superscript (chữ trên)	<code><mark>...</mark></code> • mark = marker (đánh dấu)
Hiển thị	Văn bản bình thường Văn bản bị gạch ngang	Văn bản bình thường Văn bản nhỏ hơn	H ₂ O E = mc ² x ² + y ²	Đây là đoạn văn bản được đánh dấu.
Ví dụ	HTML <code><p>Giá gốc: 200.000đ Giá mới: 150.000đ</p></code> Kết quả Giá gốc: 200.000đ Giá mới: 150.000đ	HTML <code><p>Bản quyền 2024 <small>Công ty ABC</small></p></code> Kết quả Bản quyền 2024 Công ty ABC	HTML <code><p>Công thức nước: H<sup>2</sup></sup>O Phương trình: x<sup>2</sup></sup> + y<sup>2</sup></sup></p></code> Kết quả Công thức nước: H ₂ O Phương trình: x ² + y ²	HTML <code><p>Hãy học bài <mark>chăm chỉ</mark> để đạt kết quả tốt.</p></code> Kết quả Hãy học bài chăm chỉ để đạt kết quả tốt.
Ghi chú	<ul style="list-style-type: none"> Thẻ hiện nội dung không còn đúng, không còn hiệu lực. Trình duyệt hiển thị gạch ngang. 	<ul style="list-style-type: none"> Chữ nhỏ hơn văn bản xung quanh. Thường dùng cho chú thích, ghi chú phụ. 	<ul style="list-style-type: none"> Chữ được nâng lên phía trên. Dùng cho số mũ, ký hiệu hóa học, chú thích, ... 	<ul style="list-style-type: none"> Làm nổi bật phần nội dung. Mặc định có nền vàng. Có thể tùy chỉnh bằng CSS.

★ **Mẹo học nhanh:** Nhớ ý nghĩa của tên thẻ là cách học hiệu quả nhất!
del = **deleted** (đã xóa) **small** = nhỏ **sup** = **superscript** (chữ trên) **mark** = **marker** (đánh dấu)





THẺ HTML CÓ THỂ LỒNG NHAU

Các thẻ HTML có thể chứa thẻ khác bên trong. Thẻ bên trong gọi là **thẻ con**, thẻ bên ngoài gọi là **thẻ cha**.

✓ VÍ DỤ 1: LỒNG NHAU HỢP LỆ

MÃ HTML

```
<p>
  Hôm nay tôi học <strong>HTML</strong>
  và tôi thấy nó <em>rất thú vị</em>!
</p>
```

KẾT QUẢ HIỂN THỊ TRÊN TRÌNH DUYỆT

Hôm nay tôi học **HTML**
và tôi thấy nó *rất thú vị!*

Trong ví dụ trên:

- Thẻ `` và `` được lồng bên trong thẻ `<p>`.
- Trình duyệt hiểu đúng và hiển thị như mong muốn.

✗ VÍ DỤ 2: LỒNG NHAU KHÔNG HỢP LỆ

MÃ HTML

```
<p>
  Đây là đoạn văn <strong>quan trọng.
</p>
</strong>
```

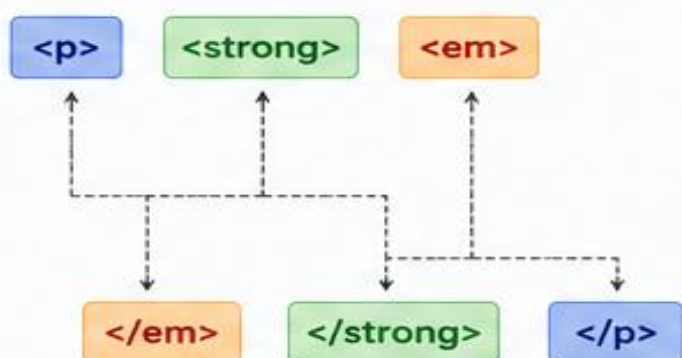
KẾT QUẢ HIỂN THỊ TRÊN TRÌNH DUYỆT

Đây là đoạn văn **quan trọng.**

Vấn đề: Thẻ `` được đóng sau thẻ `</p>` → Sai cấu trúc lồng nhau.
Trình duyệt sẽ tự hiểu lại và vẫn cố gắng hiển thị, nhưng đây là cách viết không đúng.

QUY TẮC LỒNG NHAU

1.. Thẻ mở trước thì thẻ đóng sau.



2. Các thẻ phải được lồng đúng cấp.

3. Không được để thẻ này đóng trước thẻ còn đang mở ở bên trong.

VÍ DỤ LỒNG NHAU NHIỀU CẤP (HỢP LỆ)

MÃ HTML

```
<div>
  <h2>Tiêu đề bài viết</h2>
  <p>
    Hôm nay tôi học
    <strong>HTML <em>cơ bản</em></strong>
    và tôi thấy nó rất thú vị.
  </p>
  <a href="#" title="Xem thêm">Xem thêm</a>
</div>
```

KẾT QUẢ HIỂN THỊ

Tiêu đề bài viết
Hôm nay tôi học
HTML cơ bản
và tôi thấy nó rất thú vị.
[Xem thêm](#)

Các thẻ được lồng từ ngoài vào trong theo đúng thứ tự:

`<div>` `<h2>` `<p>` `` `` `` `` `</p>` `<a>` `` `</div>`

💡 MẸO NHỚ NHANH

Hãy tưởng tượng các thẻ HTML như những chiếc hộp:

- Hộp lớn (thẻ cha) chứa hộp nhỏ (thẻ con)
- Hộp nhỏ phải nằm hoàn toàn bên trong hộp lớn
- Mở hộp nào trước thì đóng hộp đó sau

📌 GHI NHỚ

- ✓ Thẻ HTML có thể lồng nhau.
- ✓ Phải lồng đúng thứ tự và đúng cấp.
- ✗ Viết sai cấu trúc lồng nhau có thể gây lỗi hiển thị hoặc khó bảo trì mã.

★ KẾT LUẬN

Lồng thẻ đúng cách giúp trang web hiển thị chính xác, dễ đọc mã nguồn và dễ dàng bảo trì.





BÀI TẬP: CÁC THẺ ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN TRONG HTML



1. Định dạng cơ bản

Kết quả cần hiển thị:

HTML CƠ BẢN

Tôi đang học HTML.
HTML là ngôn ngữ đánh dấu.
HTML *rất quan trọng*.

Yêu cầu:

- "HTML" ở dòng 2 dùng ``
- "ngôn ngữ đánh dấu" dùng ``
- "rất quan trọng" dùng ``

2. Tạo thông báo

Kết quả cần hiển thị:

THÔNG BÁO

Hạn nộp bài: Thứ Sáu
Quan trọng:
Nộp đúng hạn.

Yêu cầu:

- "THÔNG BÁO" dùng heading (h2)
- "Quan trọng" dùng `<mark>`
- "Nộp đúng hạn." dùng ``

3. Công thức toán học

Kết quả cần hiển thị:

$$x^2 + y^2$$

$$H_2O$$

$$CO_2$$

Yêu cầu:

- Dùng `<sup>` cho x^2 , y^2
- Dùng `<sub>` cho H_2O , CO_2

4. Giá sản phẩm

Kết quả cần hiển thị:

Giá cũ: ~~500.000đ~~
Giá mới: **350.000đ**

Yêu cầu:

- Giá cũ dùng ``
- Giá mới dùng ``

5. Chỉnh sửa văn bản

Kết quả cần hiển thị:

Tôi thích ~~Java~~ Python.

Yêu cầu:

- "Java" dùng ``
- "Python" dùng `<ins>`

6. Chữ nhỏ

Kết quả cần hiển thị:

NextBase Academy
Bản quyền 2026

Yêu cầu:

- "Bản quyền 2026" dùng `<small>`

7. Đoạn văn

Kết quả cần hiển thị:

HTML là ngôn ngữ đánh dấu.
CSS giúp tạo giao diện đẹp.
JavaScript giúp trang web tương tác.

Yêu cầu:

- Mỗi câu là một đoạn `<p>`
- Dùng `
` hoặc để xuống dòng giữa các câu

8. Trích dẫn

Kết quả cần hiển thị:

*"Dù ai nói ngà nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân."
— Ca dao*

Yêu cầu:

- Dòng trích dẫn dùng `<i>`
- Tên tác giả dùng ``

9. Đoạn giới thiệu

Kết quả cần hiển thị:

GIỚI THIỆU

Xin chào!
Tôi tên là **Nguyễn Văn A.**
Tôi thích lập trình *HTML*.
Hiện tại tôi đang học tại **NextBase.**

Yêu cầu:

- "GIỚI THIỆU" dùng heading
- Dùng `<p>` cho các dòng
- "Nguyễn Văn A." dùng ``
- "HTML" dùng ``
- "NextBase" dùng ``

10. Tổng hợp (sử dụng tất cả các thẻ)

Kết quả cần hiển thị:

HTML CƠ BẢN

HTML là ngôn ngữ đánh dấu.
Quan trọng:
Hãy học **HTML** mỗi ngày.

Giá khóa học
500.000đ
299.000đ

Công thức:
 H_2O
 $x^2 + y^2$
Bản quyền 2026

Yêu cầu:

- `<h1>`, `<p>`, `
`, `<hr>`
- ``, ``
- `<i>`, ``, `<mark>`
- ``
- `<small>`
- `<sup>`, `<sub>`



HTML Comments

Cái này cực kỳ đơn giản luôn, nó chỉ là kiểu mà các bạn ghi chú lại nội dung trong file code, Mục đích để sau này có đọc lại code cũng dễ hiểu hơn, hoặc ẩn tạm một dòng code chẳng hạn. **Và comments thì sẽ không được render hiển thị ra trình duyệt.** Nhưng mở F12 lên thì vẫn nhìn được comment.

- `<!-- Comment của bạn ở đây ==> -->`
- Phím tắt trên **Mac**: `CMD + /`
- Phím tắt trên **Win**: `Ctrl + /`



THUỘC TÍNH (ATTRIBUTE) TRONG HTML



Thuộc tính (attribute) cung cấp thêm thông tin cho thẻ HTML.

Nó luôn được viết **trong thẻ mở** và có dạng: **tên_thuộc_tính="giá_trị"**

1. THUỘC TÍNH LÀ GÌ?

Thuộc tính là các cặp **tên - giá trị** nằm trong thẻ mở để mô tả hoặc cấu hình phần tử HTML.

Cấu trúc:

```
<tên_thẻ thuộc_tính="giá_trị" thuộc_tính="giá_trị" ...>Nội dung</tên_thẻ>
```

Tên thẻ

Thuộc tính

Giá trị

Lưu ý:

- Mỗi thuộc tính có một giá trị.
- Các thuộc tính trong cùng một thẻ cách nhau bởi khoảng trắng.

3. QUY TẮC VIẾT THUỘC TÍNH

- Viết trong thẻ mở.
- Có dạng: **tên_thuộc_tính="giá_trị"**
- Giá trị phải đặt trong dấu ngoặc kép (" ").
- Nhiều thuộc tính cách nhau bằng khoảng trắng.
- Tên thuộc tính viết thường (theo chuẩn HTML).



2. VÍ DỤ MINH HỌA

Thẻ HTML	Ví dụ	Giải thích
<a>	<code></code> Truy cập website <code></code>	<ul style="list-style-type: none"> href: đường dẫn liên kết target: cách mở liên kết
	<code></code>	<ul style="list-style-type: none"> src: đường dẫn ảnh alt: mô tả ảnh width: chiều rộng ảnh
<input>	<code><input type="text" placeholder="Nhập họ tên"></code>	<ul style="list-style-type: none"> type: loại ô nhập liệu placeholder: gợi ý nhập
<p>	<code><p class="mau_do" id="doan_van" style="text-align: center;"></code> Xin chào! <code></p></code>	<ul style="list-style-type: none"> class: tên lớp (class) id: định danh duy nhất style: CSS nội tuyến

4. MỘT SỐ THUỘC TÍNH PHỔ BIẾN

href	src	alt	width	height	id	class	style
Đường dẫn liên kết (thẻ <a>)	Đường dẫn tệp (thẻ , <script>, ...)	Mô tả thay thế (thẻ)	Chiều rộng (ảnh, bảng, ...)	Chiều cao (ảnh, bảng, ...)	Định danh duy nhất (mọi thẻ)	Tên lớp (mọi thẻ)	CSS nội tuyến (mọi thẻ)

5. TÓM TẮT NHANH

Ví dụ đầy đủ:

```
<a href="https://example.com" target="_blank" title="Trang web mẫu">
```

Click vào đây

```
</a>
```

Đường dẫn

Cách mở

Gợi ý khi rê chuột

★ GHI NHỚ

- Thuộc tính giúp thẻ HTML có thêm thông tin và hoạt động đúng như mong muốn.
- Không phải thẻ nào cũng có tất cả thuộc tính.
- Tra cứu tài liệu (MDN) để biết tất cả thuộc tính của từng thẻ.





HTML Links

Links là thứ mà các bạn thấy và **thao tác rất nhiều** trên trang web hiện nay.

Hiểu đơn giản nó là các thẻ liên kết, giúp bạn **điều hướng giữa các page trong một ứng dụng web.**

Hoặc **điều hướng từ trang web này sang trang web khác.**

***Note:** Một liên kết không nhất thiết phải là văn bản, nó có thể là ảnh - img hoặc bất kỳ phần tử HTML nào.*

- `Website.`



HTML **Links** (Slide 2)

Có 2 kiểu URL trong phần href của HTML Link, đó là **Absolute** (*tuyệt đối*) và **Relative** (*tương đối*)

Absolute URLs:

- `Dạng phổ biến`

Relative URLs:

- `Trở tới một file product.html trong dự án`
- `Trở tới file mern-stack.html trong thư mục courses`



HTML **Links** (Tạo Bookmark)

Tạo Bookmark (dấu trang) để chuyển đến các phần cụ thể trong một trang web (*tương tự mục lục*)

Bước 01: Dùng id để tạo một bookmark

- `<h2 id="lesson_01">Đây là nội dung bài 1</h2>`

Bước 02: Thêm một liên kết có href trở tới id như trên:

- `Link tới bài 1.`

